

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV # _____

VEWL.# _____

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

I-171: ___ Yes, ___ No

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM HUYNH THI LOC
Last Middle First

Current Address 231/1 Đường Hai Phong, Phố Danang, VIETNAM

Date of Birth 02/20/1940 Place of Birth Thua Thien, Hue, VN

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
FATHER)
TRAN HANG

Previous Occupation (before 1975) Police Major
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 1975 To DEATH DATE: 12/24/80

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 5/4/89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH THI LOC
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TRAN HUYNH MINH-ANH	12/13/1964	Son
TRAN HUYNH MINH-TUAN	04/22/1967	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Vietnam, ngày 09.09.1988

Kính gửi,

Ông Giám đốc chứng trình ODP.

127 Panjabbum Building Sathor Taisoad, Bangkok - THAILAND.

Trích yếu: Đền xin hưởng chính sách tái định cư tại Hoa Kỳ của Bà HUYNH THỊ LỘC, góa phụ của CỐ THIẾU TÁ CẢNH SÁT TRẦN HẠNG, nguyên CHỈ HUY TRƯỞNG CẢNH SÁT QUỐC GIA TỈNH QUẢNG TÍN, đã chết trong trại cải tạo NAM HẠ (HÀ NAM NINH).

Kính thưa Ông Giám đốc,

Qua báo chí, tôi được biết với chính sách nhân đạo, chính phủ Hoa Kỳ đã can thiệp với chính phủ Việt Nam để cho tái định cư tại Hoa Kỳ các nhân viên và sỹ quan của chế độ Việt Nam cộng hòa cũ từ các trại cải tạo tha về. Và tôi cũng được biết nếu người cải tạo đã chết trong trại cải tạo thì vợ con của những người này cũng được chính phủ Mỹ cho hưởng quyền lợi như những gia đình của các người cải tạo "trở về". Do đó, tôi xin kính gửi đến ông tất cả lý lịch của chồng, con và của tôi để xin ông lưu tâm đặc biệt kiểm xét cho hoàn cảnh gia đình tôi và chấp thuận cho gia đình tôi được định cư sang Hoa Kỳ.

I. Lý lịch của chồng tôi: CỐ THIẾU TÁ CẢNH SÁT TRẦN HẠNG

- Họ và tên: TRẦN HẠNG - sinh ngày: 20.1.1937 tại Thừa Thiên
- Gia nhập lực lượng cảnh sát năm 1963 qua khóa học Biên tập Viên Cảnh sát tại Bắc đũa - Vũng Tàu.
- Năm 1966: Trưởng ban hoạt vụ, phòng cảnh sát đặc biệt, nha cảnh sát vùng I.
- Từ năm 1968-1969: Phó trưởng ty cảnh sát quốc gia tỉnh Quảng tín
- Từ năm 1969-1970: Chỉ huy trưởng cảnh sát quốc gia Quân III - Đà Nẵng
- Từ năm 1970-1971: Chỉ huy trưởng cảnh sát quốc gia quân I - Đà Nẵng
- Từ năm 1971-1975: Chỉ huy trưởng cảnh sát quốc gia tỉnh Quảng tín.
- Cấp bậc cuối cùng: Thiếu tá, phong cấp năm 1973.
- Ngày 14.6.1975: Trình diện học tập cải tạo tại Sài Gòn
- Từ tháng 6/1975 - 10/1975: cải tạo tại trại Long Thành
- Từ tháng 10/1975 - 7/1976: cải tạo tại trại Thủ Đức
- Từ năm 1976 - 1980: cải tạo tại trại Nam Hà (Hà Nam Ninh)

II. Lý do Chết:

Năm 1980, chồng tôi cũng một số anh em tù nhân cải tạo tại trại Nam Hà, tổ chức bữa vào trại một máy thu thanh (Radio) để theo dõi tin tức. Việc bị bại lộ và chồng tôi bị bắt giam để thẩm vấn, tra hỏi. Cuối cùng đã chết ngay trong xà lim biệt giam ngay hôm sau.

Năm 1981, chúng tôi có nhận được 2 giấy báo tử, một gửi cho tôi và một gửi cho cha mẹ chồng tôi. Tôi không biết chồng tôi chết thế nào nhưng cả 2 giấy báo tử đều ghi rằng chồng tôi tự thất cố chết ngày 21.12.1980 tại nhà giam.

III. Xác nhận quá trình phục vụ của chồng tôi:

Sau đây tôi xin nêu tên một số sỹ quan Cảnh sát vùng I trước đây là chỉ huy, đồng sự, thuộc cấp của chồng tôi hiện đang ở Hoa Kỳ từ năm 1975 là những

người biết rõ chúng tôi để quý cơ quan có thể phối hợp lại hoạt động của chúng tôi cũng như lý lịch của chúng tôi trước đây:

1/ Trung tá Cảnh sát NGUYỄN AN VINH hiện ở tại:

La Crescenta CA 91214 U.S.A

2/ Thiếu tá cảnh sát đặc biệt ĐẶNG VĂN SONG

3/ Thiếu tá cảnh sát đặc biệt NGUYỄN DU

4/ Thiếu tá cảnh sát đặc biệt NGUYỄN LỘC

5/ Trung úy cảnh sát đặc biệt TRẦN NGHĨA

6/ Đại úy cảnh sát NGUYỄN NGỌC TIẾN hiện ở tại:

N. Hollywood

CA 91605 U.S.A.

Ngoài ra quý cơ quan có thể xác nhận về hoạt động cũng như các chết trong trái tim tạo của chúng tôi, về các máy thu thanh có ông ĐOÀN NGỌC ĐÀ, nguyên đại úy chủ mưu trưởng ESQR quân 2 đã năng từ trại Nam Hà về đã vượt biên đến Hoa kỳ năm 1981, hiện ở tại: 2195 Locust #5 Long Beach CA 90806 U.S.A.

IV. Lý lịch gia đình (Vợ, con)

1/ Vợ: Họ và tên: HUỖNH THỊ LỘC sinh ngày 20.2.1940 tại Thừa-thiên.

Ngày lập hôn thú: 20.3.1964.

Số căn cước: 200114363 cấp ngày 26.06.1978 tại Đà Nẵng

Địa chỉ cư trú: 231/1 đường Hải Phòng - T. Phố Đà Nẵng

2/ Con: * TRẦN HUỖNH MINH ANH

Sinh ngày: 13.12.1964 tại Thừa-thiên

Số căn cước: 20030788 cấp ngày 10.1.1979 tại Đà Nẵng

Địa chỉ cư trú: 231/1 đường Hải Phòng - Thành phố Đà Nẵng

* TRẦN HUỖNH MINH TUẤN:

Sinh ngày: 22.4.1967 tại Đà Nẵng

Số căn cước: 200931392 cấp tại Đà Nẵng

Đã vượt biên và đến Hong Kong ngày 3.6.1988

Địa chỉ hiện tại: L/M 2848 Ngõ 3638 6/F

Sanyick closed Centre

Sanyick lane Tuenmuen N.T HONG KONG.

V. Thân nhân nước ngoài:

1/ Hoàng Ngọc Anh:

Anaheim CA 92801 U.S.A

2/ Hoàng Ngọc Tích:

Irvine CA 92714 U.S.A.

VI. Địa chỉ liên lạc:

PHI ANH THỊ ÁI THUYỀN 207 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM. Phường 3. Quận Tân Bình. TP Hồ Chí Minh Việt Nam.

Kính thưa Ông Giám đốc, với tất cả hy vọng và niềm tin chúng tôi mong mỏi ông cứu xét cho hoàn cảnh chúng tôi. Chúng tôi xin gửi đến Ngài lòng biết ơn sâu xa, chân thành và niềm lạc chào trân trọng.

Kính đính kèm:

- 1 bản sao chứng nhân hồ khẩu
- 1 bản sao chứng nhân hôn thú
- 1 bản sao chứng nhân căn cước Huỳnh Thị Lộc
- 1 bản sao chứng nhân căn cước Trần Huỳnh Minh Anh
- 1 giấy khai sinh Trần Huỳnh Minh Anh
- 1 giấy khai sinh Trần Huỳnh Minh Tuấn
- 1 bản sao giấy báo tử của Trần Hằng

Làm tại Đà Nẵng ngày 09 tháng 09 năm 1988

Kính đơn,

Lộc

Huỳnh Thị Lộc

Ban Giám thị trại cải tạo
Trại cải tạo Nam Hà

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Sắc lệnh 100/SL-CT/HĐ

Số: VT/T

Ngày 20 tháng 1 năm 1984

Kính gửi: UBND xã Thị xã Đà Nẵng
Huyện
Tỉnh

Quí họ ông anh
Trần Hằng

Ban giám thị trại cải tạo TD.63-NH

yêu cầu UBND

Thị xã Đà Nẵng báo cáo ông Trần Văn và Ủy ban
Hội ở 213 - Nguyễn Hoàng - Đà Nẵng

Được biết tin con trai đang học tập cải tạo có sở yếu lý học sau:

Họ và tên: Trần Hằng - Sinh năm 20-1-1937

Hiện ở: Láng Hòa Lộ - huyện Phong Điền - tỉnh Thừa Thiên.

Đã quản 24/1, Hải Phòng - Đà Nẵng

Được học tập cải tạo tại trại cải tạo Nam Hà (địa chỉ 25A TD63-NH)
bị bệnh. Từ Thất có vết. Vì qua

Học đủ được ban giám thị và các tác phẩm, y học hết là học chăm
sóc chữa chữa bệnh vì bệnh tình qua bệnh đã chết lúc 20 giờ
ngày 21 tháng 12 năm 1983 tại Nam Hà.

Ban giám thị đã tổ chức chôn cất tại nghĩa địa của Trại
thôn xã Thị Phong, huyện Kim Thành, tỉnh Hà Nam Ninh

Đã gửi UBND xã Thị xã Đà Nẵng báo cáo

Nhờ và là hôn là thân thân người chết nhà 1 trên biết./

Kính gửi

Số: 27/CT-HĐ

Huyện ủy ban
địa phương

Ban Giám thị Trại



Đỗ Văn Hùng

Ngày 20 tháng 01 năm 1984

CHỦ TỊCH
[Signature]

NGUYỄN ĐỨC

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
TỈNH HAY THÀNH - PHỐ
TỈNH Thừa-Thiên
QUẬN Huỳnh-Thủy
XÃ Thủy-Xuân

Số hiệu 08/TX

TRÍCH - LỤC

CHỨNG THƯ HÔN THỨ

Tên họ người chồng TRẦN - HÙNG

Nghề nghiệp Công-chức

Sanh ngày Hai mươi tháng Giêng năm một ngàn chín trăm

Tại Hiền-Lương, Phong-Hiền, Thừa-Thiên Ba mươi bảy (30-1-1937)

Cư-sở tại Phường Tân-Vinh, Xã Ngọc-Trân, Lệ-Lễ

Tạm trú tại Phường Tân-Vinh, Xã Ngọc-Trân, Lệ-Lễ

Tên họ cha chồng Trần-Tho (sống)

(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Trương-Tạ - Bà (sống)

(Sống chết phải nói)

Tên họ người vợ HOÀNG - THỦY - LÊ

Nghề nghiệp Học-sinh

Sanh ngày Hai mươi tháng Hai năm một ngàn chín

Tại Dương-Xuân-Thượng, Thủy-Xuân, /trăm bốn mươi (1-3-1940)

Phường Thủy-Xuân, Thừa-Thiên. Dương-Xuân-Thượng, Thủy-Xuân, Thừa-Thiên.

Tạm trú tại Dương-Xuân-Thượng, Thủy-Xuân, Thừa-Thiên.

(Tên họ cha vợ Hoàng-Thuận (sống)

(Sống hay chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Huỳnh-Thị-Con (sống)

(Sống chết phải nói)

Nhận thật :

Chữ ký của Ông Ông - Ngày cưới Ba mươi tháng ba năm một ngàn chín trăm sáu

viên Hộ-tịch. — Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế mười bốn (30-3-1964)

Thủy-Xuân, ngày 4/4/64 Ba mươi tháng Ba năm một ngàn chín trăm sáu

Tại-Hiền K.C.NĐ, Thủy-Xuân. /mười bốn

Tại Thủy-Xuân.

Trích y bản chính Thủy-Xuân ngày 30 tháng Thủy-Xuân năm 1964

Viên chức Hộ tịch

Nguyễn-dũng-Tường

MAY 09 1989

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

LIST OF WIDOWS OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONERS WHO DIES WHILE BEING

DETAINED IN THE CAMPS IN VIETNAM

No.	NAME & ADDRESS IN VIETNAM	DATE OF BIRTH	OCCUPATION	DATE OF ARRESTED	DATE OF DECEASED	IV NO.	VEWL	I-171	SPONSOR'S NAME & ADDRESS	REMARKS
53/W-0110	NGUYEN BA DUNG	9/29/54	(Son)							Need
	27/2 Nguyen Van Dau, P.6									IV x
	Quan Binh Thanh, HO CHI MINH									LOI x
	City, VIETNAM									Comp
	DECEASED'S NAME:									
	NGUYEN BA THIN	1928	Colonel	6/15/75	10/5/76					
54/W-0111	VU THI THUONG	5/26/38								Need
	A32/4 Khu Gia Binh, Ap Thinh									IV x
	Phu, Xa Tang Nhon Phu, Huyen									LOI x
	Thu Duc, HCM City, VIETNAM									Comp
	DECEASED'S NAME:									
	NGUYEN HOAT	12/1/38	Captain	6/24/75	3/2/80					
55/WP-115	HUYNH THI LOC	2/20/40								Need
	231/1 Duong Hai Phong									IV x
	Pho DA NANG									LOI x
	VIETNAM									Comp
	DECEASED'S NAME:									
	TRAN HANG	1/20/37	Police Major	1975	12/21/80					
56/WP-116	DO THI THU	1923							HOANG THI DO LIEN	Need
	SS7 Cu Xa Bax Hai									IV x
	Phuong 2, Quan 10, HOCHIMINH								Houston, Tx 77075	LOI x
	VIETNAM									Comp
	DECEASED'S NAME:									
	HOANG XUAN HY	1923	Lt. Colonel	1975	8/18/78					
57/WP-117	VUONG THI DANH	1928								Need
	282 Ben Van Don, Phuong 2									IV x
	Quan 4, HOCHIMINH CITY									LOI x
	VIETNAM									Comp
	DECEASED'S NAME:									
	PHAM CONG CHIEU	1924	Lieutenant	6/15/75	5/13/77					

Ghi chú:

- Học tập cải tạo từ 1975 - 12/21/80
- Chết tại trại cải tạo 12/21/80
- Đã chỉ hồ sơ

5/4/89 Dung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 200114363

Họ tên HUỲNH THỊ LỘC



Sinh ngày 20-2-1940

Nguyên quán Hiền lương,
Phong điền, B. trị thiên.

Nơi thường trú Số 231/1,
Hải Phòng, TP, Đà Nẵng.

09/12/1988

THỊ LỘC

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo :... Phật giáo

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

NGÓN TRỎ TRÁI

Sẹo chàm cách 2cm5
trên sụn đầu ngón
mày phải.

NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 26 tháng 06 năm 1978
KỶ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
PHỦ TRƯỞNG TỶ
Nguyễn Văn...

Lê đình Khoa





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 200707188

Họ tên: **TRẦN HUỖNH MINH ANH**



Sinh ngày: 13-12-1964

Nguyên quán: **Hien lương,**

Phon: **diên, B. trị thiên**

Nơi thường trú: **Số 231/1, Hải**

Phong, Thành phố, Đà Nẵng

Y BAN CHANH



10/09/88
NGUYỄN ĐỨC LONG

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Phật giáo



NGON (MẶT TRÁI)



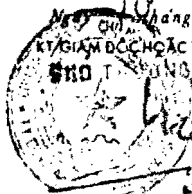
NGON (MẶT PHẢI)

DẤU VÉNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi hoặc sẹo
trên sau mền nhai.

Ngày chụp ảnh... 01 năm 1979

KY/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
SỞ TỈNH CÔNG TỶ



Trần Đình Khoa

KHAI SANH



Tên họ ấu nhi: TRẦN-HUYỀN MINH-ANH

Phái: Nam

Sinh: Mười ba Tháng mười hai Năm một
(Ngày, tháng, năm) ngàn Chín trăm sáu mươi bốn

Tại: Bệnh-Viện Huế

Cha: TRẦN - HẰNG
(tên họ)

Tuổi: Sinh năm 1937

Nghề nghiệp: Công-chức

Cư-trú tại: số 95 đường Nguyễn-Hoàng Đà-Nẵng

Mẹ: HUYỀN-THỊ-LỘC
(tên, họ)

Tuổi: Sinh năm 1940

Nghề nghiệp: Nội-trợ

Cư-trú tại: số 95 đường Nguyễn-Hoàng Đà-Nẵng

Vợ: Chánh
(chánh hay thứ)

Người khai: NGUYỄN - VĂN - VĨNH
(tên họ)

Tuổi: 35 tuổi

Nghề nghiệp: Bác-Sĩ Trưởng-Khu Hộ-sinh

Cư-trú tại: Bệnh-Viện Huế

Ngày khai: Mười bốn tháng mười hai Năm một ngàn
Chín trăm sáu mươi bốn

Người chứng thứ nhất: _____
(tên, họ)

Tuổi: _____

Nghề nghiệp: _____

Cư-trú tại: _____

Người chứng thứ nhì: _____
(tên, họ)

Tuổi: _____

Nghề nghiệp: _____

Cư-trú tại: _____

Lập tại Phủ - Ninh ngày 14 - 12 - 1964

Người khai NGUYỄN-VĂN-VĨNH Hộ lại TRẦN-QUỐC-KÝ Nhân chứng

Chứng-nhận chữ ký của
Phường-Trưởng Phường Phú
Huế ngày 17 tháng 12 năm 1964

TUN. Tỉnh trưởng Tỉnh Thừa-Thiên
Quận Trưởng Quận Hữu Ngạn

Phụng trích-lục ngày 17/12/1964
Chủ-Tịch kiêm Hộ-Lại Phủ-Ninh Huế



TRẦN-QUỐC-KÝ

~~X~~ Chắc THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỌ

Chúng nhận đã chuyển đến

Chúng nhận đã chuyển đến

Chúng nhận đã chuyển đến

Chúng ta đã chuyển đến

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ

Erin Cho

SỐ NHÀ

$$: \underline{231}$$

THÔN, ĐƯỜNG PHỐ

Nov. 12. 1871. Sun. with 8-68° 6

XÃ, THỊ TRẤN, PHƯỜNG

Chân Chân

HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ

Quân lực

TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

Ngày 28 tháng 10 năm 1976

TRƯỜNG CÔNG AN chính giáo

(ký và ghi rõ họ và tên, đóng dấu)



NGÔ VĂN DỤC

STT	HỌ TÊN KHAI SINH và TÊN THƯỜNG GỌI	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng, năm sinh		NGUYỄN QUÂN	Nghề nghiệp	Số giấy chứng nhận căn cước	Ngày và nơi chuyển	Ngày và nơi chuyển đi	Ghi chú
			NAM	NỮ						
1	Bà Trần Thị Hoa	Chị họ	20/3/1914		Hiền lương, thuần thiện		2001145367	Hiền lương 1938		
2	Đường Thị Hoa	vợ		10/6/1912	Hiền lương, thuần thiện		2001145562			
3	Huỳnh Thị Lạc	cháu		20/2/1960	Hiền lương, thuần thiện	Buôn bán	2001145563	Huỳnh 1969		
4	Bà Trần Thị	con	15/3/1953		Hiền lương, thuần thiện	Sơn lâm	2001145361			
5	Bà Trần Thị	con		4/3/1953	Hiền lương, thuần thiện	Làm mủ sắn		20-11-85		
6	Bà Trần Thị	cháu	22/4/1960		Hiền lương, thuần thiện	học sinh	2001145369	Đời năm 48		
7	Bà Trần Thị	cháu	13/12/1961		Hiền lương, thuần thiện	lực sinh	2001145370			
8	Bà Trần Thị	cháu			(bà) nhân viên					
9	Bà Trần Thị	cháu		4/3/1955	Hiền lương thuần thiện	lao động	2001145371			
10	Bà Trần Thị	cháu		31/3/1980	Hồ này	lao động	2001145372			
11	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145373			
12	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145374			
13	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145375			
14	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145376			
15	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145377			
16	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145378			
17	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145379			
18	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145380			
19	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145381			
20	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145382			
21	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145383			
22	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145384			
23	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145385			
24	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145386			
25	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145387			
26	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145388			
27	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145389			
28	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145390			
29	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145391			
30	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145392			
31	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145393			
32	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145394			
33	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145395			
34	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145396			
35	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145397			
36	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145398			
37	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145399			
38	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145400			
39	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145401			
40	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145402			
41	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145403			
42	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145404			
43	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145405			
44	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145406			
45	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145407			
46	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145408			
47	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145409			
48	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145410			
49	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145411			
50	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145412			
51	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145413			
52	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145414			
53	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145415			
54	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145416			
55	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145417			
56	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145418			
57	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145419			
58	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145420			
59	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145421			
60	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145422			
61	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145423			
62	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145424			
63	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145425			
64	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145426			
65	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145427			
66	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145428			
67	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145429			
68	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145430			
69	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145431			
70	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145432			
71	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145433			
72	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145434			
73	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145435			
74	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145436			
75	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145437			
76	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145438			
77	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145439			
78	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145440			
79	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145441			
80	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145442			
81	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145443			
82	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145444			
83	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145445			
84	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145446			
85	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145447			
86	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145448			
87	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145449			
88	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145450			
89	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145451			
90	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145452			
91	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145453			
92	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145454			
93	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145455			
94	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145456			
95	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145457			
96	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145458			
97	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145459			
98	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145460			
99	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145461			
100	Bà Trần Thị	cháu			Hiền lương, thuần thiện	lao động	2001145462			

Kính-chúa Bà,

Tôi kính xin trình bày tiếp sau đây một số dữ kiện mà tôi nghĩ rằng sẽ giúp quý hội đồng việc xác minh quá trình phục vụ của chồng tôi trong ngành Cảnh sát. cũng như các chết của chồng tôi.

- Các cấp chủ mưu CS&C phục vụ tại vùng I chiến thuật đến năm 1975 đều có thư xác nhận về chức vụ, cấp bậc của chồng tôi. Một số các ảnh ảnh trực đi cải tạo về còn ở lại VN, một số đã sang Hoa kỳ như:

- Đặng Văn Song (Thiếu tá CSAB) Phó tá CSAB Đà Nẵng, Tam Kỳ.
- Trần Nghĩa (Trung úy CSAB) Phó tá CSAB Quảng Tín
- Liên Tranh (Thiếu tá CSAB) nguyên CH Trưởng CS&C Thừa Thiên, Huế.
- Ngô Phi An (Thiếu tá CSAB) Phó CH CSAT Khu I Đà Nẵng
- Nguyễn An Vĩnh, cựu CH CS&C Đà Nẵng, hiện ở tại.

4600 Pennsylvania Ave, La Crescenta CA 91214 USA.

- Nguyễn Ngọc Tiến (Đại úy CS) chủ sự Thông tin Pháp B&H/CS Đà Nẵng.
địa chỉ: 7961 Culwater Cyn. N. Hollywood CA 91605 USA

- Các sĩ quan quân đội hay cảnh sát có mặt tại trại cải tạo Lam Hát năm 1970 và những năm về sau đều biết về trường hợp các chết của chồng tôi. Một số các ảnh đó cũng đã có mặt tại Hoa kỳ như:

- Nguyễn Văn Giỏi
- Trần Ngọc Đa

Anh Đà nguyên là Chỉ tá CS, CHT cảnh sát quận 2 Đà Nẵng là một người bạn của gia đình tôi mà tôi biết địa chỉ là: 2195 Locust #5 Long Beach CA 90806 USA

Kính thưa Bà,

Là một gia đình mẹ góa con côi cả cực thiếu thốn mọi mặt, bố tôi mọi mặt tôi chỉ biết dựa vào lá thư này gửi tới Bà với niềm hy vọng các nhất cứu vớt cuộc sống cho chúng tôi, từng lại cho con các tôi, thừa mãi được phần nân vâng kính của người đã khuất

Kính mong Bà nhận với đầy niềm tri ân vô hạn của tôi và trân trọng kính chúc Bà và quý hội đồng ngày càng thành công nhiều hơn trong hoạt động xã hội nhân đạo các cá của mình.

Bà chú liên lạc:

Phan Thị Ai Huyền - 207 Các mạng tháng tám
Phường 2 Quận Tân Bình TP Hồ Chí Minh - Vietnam
(Như-chuyên)

Kính thư,

Độc

Nguyễn Thị Lan

Chị Phúc,

Nhớ chị và anh Giỏi quan tâm đến tương lai của chị,
Trần Hằng, nhất là cháu Tuấn đang ở Hồng Kông - Anh giới biết rõ.

X

N

Sài Gòn ngày 11/10/88

Chị Thu Thôn,

Hôm nay xin gửi thư với chị và anh. 1 bộ 2
hộp A,

① Thiệu Tề Nguyễn Văn Học. một người bạn thân
đã được tôi mang về Bình Long lên với tôi sau 1968.
Nay nhờ đi Cần Thơ thăm với hay anh này chức làm giữ cá.
Bên làm giữ cá và giữ mực cho chị đây. Anh này gia đình
năm 1968 - 1975 sống bên gia đình các anh phát
thanh tự do như Long An, Giồng Trôm ở quê nhà...
mà không khai giữ cá. Mà cũng nhớ vậy mà rất buồn vì lý
do đó giữ cá. Nên chị giúp giữ.

② Bà cô Thiệu Tề Trần Hằng: một họ ở quê biết
mà tôi và Xết thấy ra lo giúp đỡ. Chị đang hết thóc ăn
về chị này với chị sẽ thấy ra vì đói. Xin chị và anh
chị em ở Trung Hoa bảo họ giúp chị này đói biết giúp
nhất là cho đến con trai đây ở trại ty nơ Hong Kong, đến
đó nó phải trả về VN oan uổng hay bị kêu đi đày 10
ở trại khắp kinh đô đó. Chúng tôi ở đây đến một lòng
xin chị và anh giúp đỡ thiết thực cho chị Hằng.

Anh chúc chị và anh chị em ở đây vui.

Mỹ Huệ

4/4/89 ASW

nhỏ ở đây là để
lưu lại một
19-4-89.